



DEV COMMUNITY

SÁCH TRẮNG

Hệ sinh thái sản xuất Web3 & Web3 Venture Studio

Dev Community Token — DCT

Xây dựng • Kết nối • Chia sẻ • Phát triển

<https://devcommunity.eth.limo/>



Phạm vi và nguyên tắc công bố

Tài liệu này mô tả cơ chế vận hành của giao thức đã triển khai và định hướng phát triển của hệ sinh thái.

01 Không cam kết kết quả

DCT không có mức giá tối thiểu được bảo đảm, không có cam kết tăng giá theo tháng và không có cam kết lợi nhuận hoặc hoàn vốn.

02 Mã nguồn quyết định Core

Đối với các quy tắc đã triển khai, mã nguồn hợp đồng và trạng thái blockchain là cơ sở xác định cách Core Protocol vận hành.

03 Định hướng không phải nghĩa vụ

Sản phẩm, đối tác, hợp đồng mở rộng và mô hình kinh doanh tương lai được trình bày như định hướng phát triển, không phải nghĩa vụ thực hiện.

Dev Community ưu tiên công khai cơ chế và dữ liệu có thể kiểm chứng thay vì sử dụng lời hứa về giá hoặc hiệu quả kinh tế trong tương lai.



Dev Community là gì?

Một hệ sinh thái sản xuất Web3 kết hợp vai trò của mạng lưới phát triển công nghệ và Web3 Venture Studio.

Dev Community được xây dựng để kết nối bốn nhóm tham gia chính: người dùng DCT, khách hàng cần phát triển sản phẩm, đội ngũ kỹ sư và các dự án đối tác. Hệ sinh thái lấy DCT làm tài sản số chung để kết nối thanh khoản, phần thưởng cộng đồng, thanh toán cho nhà phát triển và các tiện ích được tích hợp vào sản phẩm.

Core Protocol

DCT, thanh khoản, buyback, burn, vesting, matrix, matching và cap được điều khiển bởi hợp đồng đã triển khai.

Nền kinh tế mở rộng

Sản phẩm, dịch vụ, đối tác, developer network, Project Network và Community Graph được phát triển theo mô hình mở rộng.

Luận điểm trung tâm: Dev Community không tìm kiếm một “dự án duy nhất” để tồn tại lâu dài. Mục tiêu là tạo ra năng lực lặp lại việc biến ý tưởng thành sản phẩm, kết nối sản phẩm với cộng đồng và tiếp tục tái sử dụng hạ tầng để tạo ra thế hệ sản phẩm tiếp theo.



Tạo một hạ tầng có khả năng liên tục sinh ra sản phẩm

Giá trị của hệ sinh thái được mở rộng bằng công nghệ, cộng đồng, đối tác và khả năng tái sử dụng hạ tầng.



Mỗi vòng phát triển để lại tài sản có thể tái sử dụng: mã nguồn, module hợp đồng, giao diện, kinh nghiệm triển khai, cấu trúc cộng đồng và quan hệ đối tác. Chính khả năng tái sử dụng này giúp Dev Community vận hành như một Venture Studio thay vì chỉ là một đơn vị gia công phần mềm.



01

KIẾN TRÚC HỆ SINH THÁI

Một Core cố định, nhiều lớp mở rộng

Core Protocol tạo các quy tắc nền tảng. Những sản phẩm và mô hình kinh tế mới được phát triển bằng các ứng dụng và hợp đồng độc lập, không thay đổi Core hiện tại.

SÁCH TRẮNG • 2026





Hai lớp vận hành

Hệ sinh thái tách rõ phần được hợp đồng hiện tại cưỡng chế và phần có thể tiếp tục mở rộng.

Core Protocol — đã triển khai

- DCT và cơ chế mint/burn
- DEX, Router và pool thanh khoản
- Treasury 50% Liquidity Fund / 50% Buyback Fund
- Vesting 105% theo giá tham chiếu
- Matrix, Matching, Reward Cap
- Quyền operator, Partner Access, Custom Cap
- Mailbox mã hóa

Các quy tắc này được xem là cố định theo mã nguồn đã triển khai.

Nền kinh tế mở rộng

- Sản phẩm Web3 và dịch vụ công nghệ
- Mạng lưới nhà phát triển
- DCT làm phương tiện thanh toán chính cho developer
- Project Network và Chương trình Hỗ trợ Phục hồi
- Portable Community Graph
- Hợp tác doanh thu và tích hợp DCT tự nguyện
- Hợp đồng mới cho từng sản phẩm hoặc chức năng

Lớp này mở rộng theo nhu cầu thực tế và chiến lược kinh doanh.



Bốn động cơ kinh tế

Mỗi động cơ có vai trò riêng nhưng cùng kết nối về DCT và năng lực sản xuất Web3.

Thanh khoản

USDT contribution tạo Liquidity Fund và Buyback Fund.

Cộng đồng

Vesting, sponsor, matrix, spillover, matching và cap.

Sản phẩm

Kỹ sư xây sản phẩm, dịch vụ và hạ tầng có thể tái sử dụng.

Đối tác

Dự án bên ngoài có thể tích hợp công nghệ, cộng đồng và DCT.

DCT đóng vai trò tài sản kết nối giữa các vòng kinh tế nhưng không đại diện cho cổ phần, khoản nợ hay quyền nhận doanh thu của Development Team.



Vai trò của Dev Community Token

DCT được sử dụng như tài sản số chung của hệ sinh thái, không phải một cam kết hoàn vốn.

Vesting

Allocation được mở khóa theo lịch

Phần thưởng cộng đồng

Matrix và Matching khi đủ điều kiện

Thanh toán developer

Phương tiện thanh toán chính cho mạng lưới kỹ sư

Tiện ích sản phẩm

Thanh toán, phí, credit, membership hoặc utility khác

Tích hợp đối tác

Đối tác có thể tự nguyện sử dụng DCT

Dự trữ phát triển

DCT mua từ thị trường có thể được Development Team giữ dự trữ

Việc sở hữu DCT không tự động tạo quyền nhận cổ tức, chia sẻ doanh thu, giá tối thiểu, thanh khoản cố định hoặc một lượng USDT xác định trong tương lai.



02

TOKENOMICS

Nguồn cung, giá tham chiếu và dòng vốn

Tokenomics được thiết kế quanh ba quá trình: DCT được tạo ra theo quy tắc, DCT bị burn theo cơ chế, và DCT đang lưu thông được tái sử dụng trong nền kinh tế sản phẩm.

SÁCH TRẮNG • 2026





Nguồn cung DCT và khởi tạo

DCT không có nguồn cung tối đa cố định; việc đánh giá nguồn cung cần xem đồng thời mint và burn.

Nguồn cung khởi tạo

Hợp đồng DCT mint 1.000.000.000 DCT cho địa chỉ triển khai tại thời điểm tạo token. Một phần được dùng cho thiết lập giao thức, tạo thanh khoản và thử nghiệm gói bằng DCT.

Mint trong vận hành

Core là minter của DCT và có thể mint theo các cơ chế đã lập trình: vesting, commission và DCT cần thiết khi thêm thanh khoản.

Burn trong vận hành

DCT bị burn khi người dùng tạo gói bằng DCT và khi Buyback Fund mua DCT từ pool thông qua Core.

DCT khởi tạo được sử dụng trong giai đoạn thiết lập và test. Các gói thử bằng DCT tuân theo cùng cơ chế burn như người dùng khi tạo gói bằng token.



Ba chỉ số nguồn cung

Tổng cung tại một thời điểm là kết quả của cả mint và burn.

Gross Mint

Tổng DCT đã được tạo ra

Vesting • Commission • Liquidity

Gross Burn

Tổng DCT đã bị loại vĩnh viễn

Buyback • DCT Contribution

Net Emission

Phát hành ròng

Gross Mint – Gross Burn

Cách nhìn này phản ánh đầy đủ hơn việc DCT có thể được mint để phục vụ giao thức nhưng đồng thời cũng bị burn từ nhiều nguồn khác nhau.



Giá tham chiếu và Vesting Price Floor

Hai khái niệm này có chức năng khác nhau và không phải cam kết giá thị trường.

Giá tham chiếu khi mở đăng ký

Trước khi dự án được công bố và cho phép đăng ký, giá DCT được điều chỉnh về 0,0001 USDT/DCT. Đây là mức tham chiếu tại thời điểm khởi đầu hoạt động công khai.

Vesting Price Floor

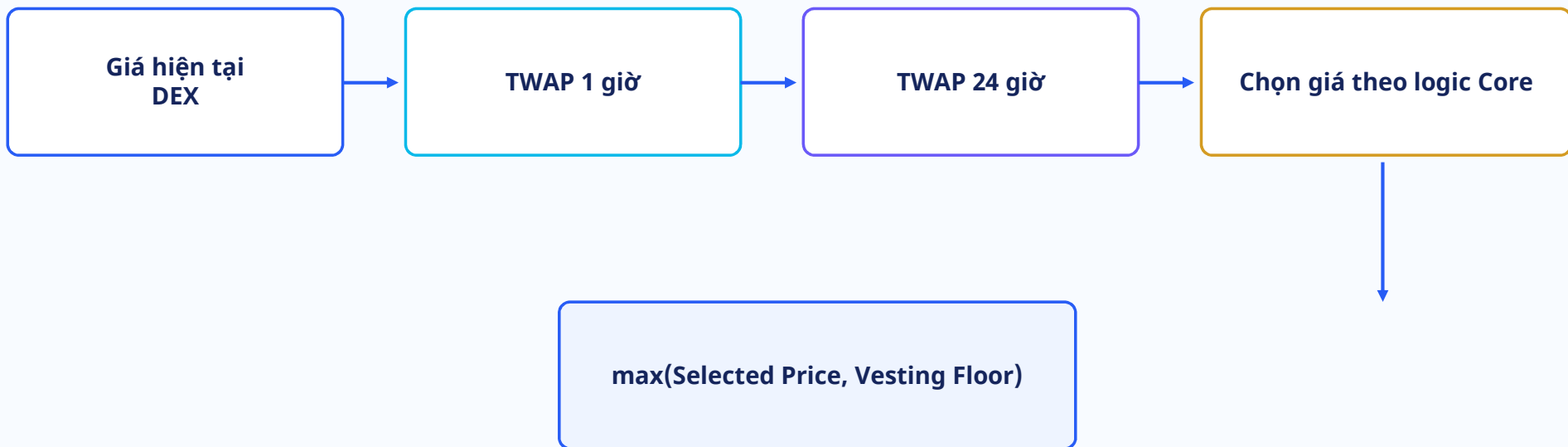
Core được triển khai với vestingPriceFloor = 100.000.000 đơn vị giá, tương đương 0,0000000001 USDT/DCT (1×10^{-10}). Floor chỉ giới hạn giá dùng trong phép tính vesting.

Giá tham chiếu không phải mức giá cam kết sẽ được duy trì trong tương lai.



Cách Core lựa chọn giá vesting

Giá dùng để tính gói được lấy từ DEX nội bộ và các quan sát TWAP, sau đó áp dụng Vesting Price Floor.



Khi cả TWAP 1 giờ và 24 giờ đều có dữ liệu, Core chọn mức cao hơn giữa hai TWAP. Nếu một TWAP chưa tồn tại, Core dùng dữ liệu còn lại; nếu cả hai chưa tồn tại, Core dùng giá hiện tại.



Hai đường tạo gói

USDT và DCT đều có thể tạo vesting allocation, nhưng dòng vốn hoàn toàn khác nhau.

Gói bằng USDT

- Tối thiểu 10 USDT
- USDT chuyển trực tiếp vào Treasury
- Treasury ghi nhận 50% Liquidity Fund và 50% Buyback Fund
- Gói tạo vesting allocation theo giá tại thời điểm mở gói
- Không có USDT nào được Core tự động chuyển sang ví đội ngũ.

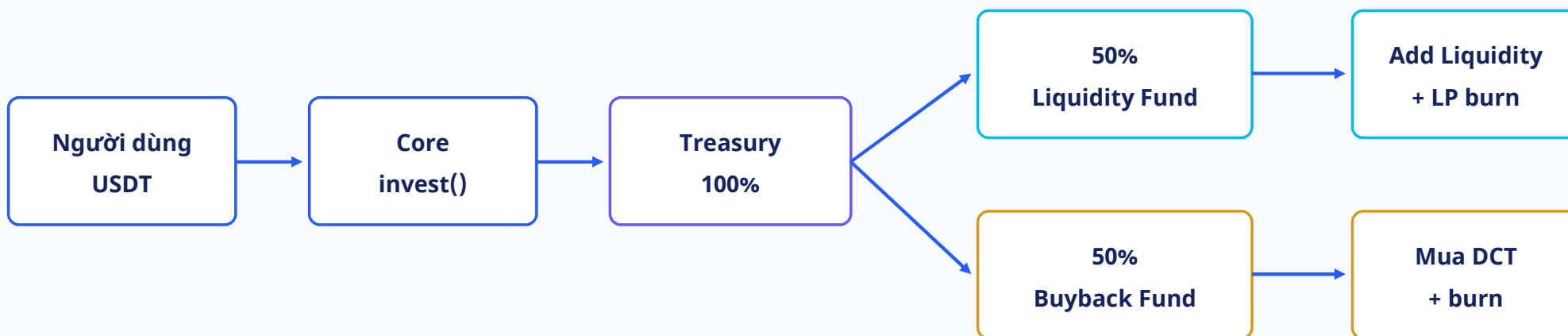
Gói bằng DCT

- Giá trị DCT phải tương đương tối thiểu 10 USDT theo giá vesting
- DCT được chuyển vào Core và burn ngay
- Không tạo USDT inflow cho Treasury
- Không tăng Liquidity Fund hoặc Buyback Fund
- Vẫn tạo vesting allocation theo USDT-equivalent của DCT đã burn.



Luồng gói bằng USDT

100% USDT đóng góp được chuyển vào Treasury và được ghi nhận thành hai quỹ theo tỷ lệ 50/50.

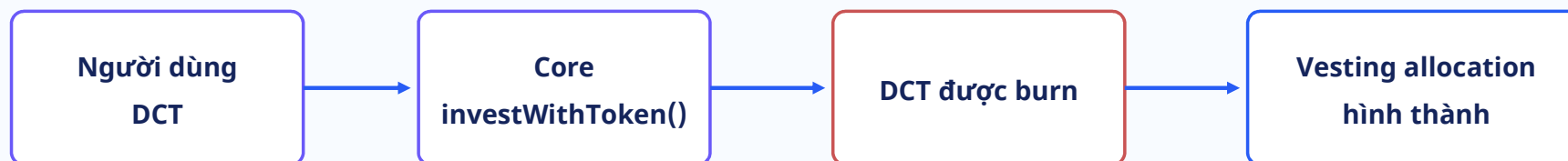


Liquidity Fund và Buyback Fund là các sổ dư accounting trong Treasury. Việc thực thi add liquidity hoặc buyback chỉ xảy ra khi Core gọi các hàm tương ứng và phải tuân theo điều kiện của contract.



Luồng gói bằng DCT

DCT contribution loại token khỏi lưu thông ngay khi tạo gói và không tạo USDT mới cho Treasury.



Không vào Treasury

Không tăng Liquidity Fund hoặc Buyback Fund.

Burn ngay

Toàn bộ DCT dùng để tạo gói bị burn sau khi chuyển vào Core.

Mint theo lịch

DCT vesting chỉ được mint khi người dùng claim phần đã mở khóa.



Liquidity Fund và LP burn

Liquidity Fund dùng để tăng độ sâu pool theo cơ chế đã triển khai.

Cách thực thi

Core hỏi Treasury lượng USDT đang nằm trong Liquidity Fund và lượng DCT tương ứng theo tỷ lệ reserve hiện tại. Core mint DCT đó cho Treasury và yêu cầu Router thêm thanh khoản.

Giới hạn slippage nội bộ

Core đặt ngưỡng tối thiểu 95% cho lượng USDT và DCT kỳ vọng khi thực hiện add liquidity. DCT mint dư do không sử dụng hết sẽ bị Treasury burn.

LP được đưa vào ví burn

Router thêm thanh khoản với địa chỉ nhận LP là 0x...dEaD. Treasury không giữ LP để Development Team rút thanh khoản về sau.



Buyback Fund là quỹ dự trữ on-chain

Quỹ chỉ được sử dụng thông qua hàm buyback của Core và DCT mua được bị burn.

Mỗi lần mua

Tối thiểu 10 USDT, tối đa 100 USDT

Khoảng cách

Tối thiểu 10 phút giữa hai lần buyback

Quyền gọi

Owner hoặc tài khoản có operator access còn hiệu lực

Slippage

Core dùng $\text{minOut} = 95\%$ lượng DCT ước tính

Kết quả

DCT mua về Core và burn ngay

Không có lịch bắt buộc

Contract không quy định khi nào “nên” buyback

Buyback là một quyền thực thi trong phạm vi contract, không phải cơ chế bảo đảm giá hoặc cam kết sử dụng toàn bộ số dư Buyback Fund theo một lịch cố định.



Liquidity Stewards

Quyền gọi add liquidity và buyback có thể được mở rộng cho thành viên có gói đủ lớn trong thời gian gói còn active.

Điều kiện operator

Một gói riêng lẻ có giá trị từ 50.000 USDT-equivalent trở lên đặt operatorUntil bằng ngày hết hạn của gói, nếu mốc này xa hơn quyền hiện có.

Phạm vi quyền

Operator có thể gọi executeAddLiquidity() và executeBuyback() nhưng không có hàm trong Core cho phép chuyển Community Funds đến địa chỉ tùy ý.

Ra quyết định

Contract giới hạn hành động; thời điểm thực thi là quyết định của những người đang có quyền. Khi có nhiều Liquidity Steward, việc phối hợp có thể được thực hiện ngoài chain.

Nguyên tắc vận hành: phán đoán của con người nằm trong giới hạn của smart contract.



Cơ chế giao dịch và phí

DevCommunityDex là pool AMM nội bộ giữa USDT và DCT, đồng thời là nguồn dữ liệu giá cho Core.

Mua DCT bằng USDT

Không áp dụng sell fee. Output được tính theo reserve và invariant AMM.

Bán DCT lấy USDT

DCT đầu vào chịu $SELL_FEE = 3\%$. Phí này làm giảm effective input khi tính output và giá trị nằm lại trong pool thông qua invariant.

Oracle nội bộ

DEX ghi observation tối thiểu mỗi 10 phút, lưu tối đa 256 observation và cung cấp TWAP tới 24 giờ.

DEX, Router và Core được thiết kế như một cụm liên kết: Router thực hiện swap/add liquidity; DEX giữ reserve và oracle; Core dùng dữ liệu giá để tính vesting và commission.



03

VESTING & PHẦN THƯỞNG

Phân phối DCT theo thời gian và hoạt động cộng đồng

Vesting của gói cá nhân và phần thưởng cộng đồng là hai lớp riêng biệt. Referral không phải điều kiện để một người nhận vesting của chính họ.





Allocation bằng 105% giá trị gói

Core chuyển giá trị gói sang DCT theo applicable vesting price tại thời điểm tạo package.



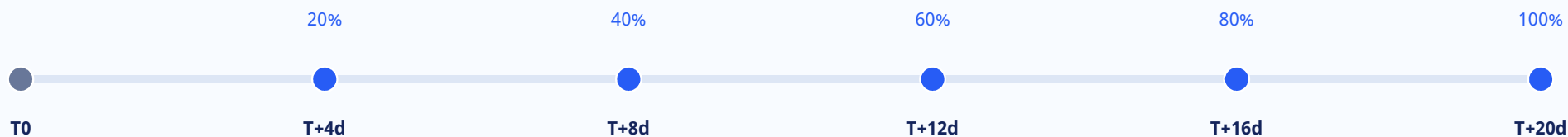
Công thức: Vesting DCT = Giá trị gói × 105% ÷ Applicable Vesting Price.

Reference allocation không phải khoản nợ USDT. Khi claim hoặc swap, giá trị thực tế của DCT phụ thuộc giá thị trường và thanh khoản tại thời điểm đó.



Lịch mở khóa 20 kỳ

Sau 24 giờ kể từ khi tạo package, 5% đầu tiên được mở khóa; mỗi 24 giờ tiếp theo mở thêm 5%.



5% mỗi ngày

Tranche thứ nhất xuất hiện sau `VESTING_CLIFF = 1` ngày.

Claim linh hoạt

Phần đã mở khóa nhưng chưa claim tiếp tục tích lũy.

Active 25 ngày

Package duy trì active status 25 ngày, dài hơn lịch mở khóa 20 tranche.



Community Growth Protocol

Mạng lưới cộng đồng kết hợp quan hệ sponsor với matrix placement để tạo hai loại phần thưởng khác nhau.

Sponsor

Ai giới thiệu ai

Matrix Placement

Vị trí thực tế trong cấu trúc

Spillover

Cơ chế xếp người vào vị trí trống

Matrix Rewards

0,5% mỗi tầng, tối đa 10 tầng

Matching Rewards

Đi theo sponsor, dựa trên tier

Reward Cap

Giới hạn tổng community reward theo USD-equivalent

Người dùng không cần giới thiệu bất kỳ ai để tạo package hoặc nhận vesting của package cá nhân.



Sponsor khác với Matrix Placement

Sự tách biệt này cho phép hệ thống vừa ghi nhận người giới thiệu trực tiếp vừa vận hành spillover.

Sponsor Relationship

- Được xác định khi tạo account
- Nếu không có sponsorKey, account mới dùng ownerAccountKey làm sponsor mặc định
- Matching Rewards đi theo quan hệ sponsor
- Sponsor không nhất thiết là parent trực tiếp trong matrix

Matrix Placement

- Account được xếp vào một parent/branch cụ thể
- Placement có thể tràn xuống dưới sponsor
- Matrix Rewards đi theo parent chain của matrix
- Hệ thống có thể tạo overflow branch khi không tìm thấy slot trong phạm vi thuật toán



Adaptive Spillover Matrix

Cấu trúc ưu tiên gom hẹp nhưng không ép người được tuyển trực tiếp xuống vô hạn.

Nhánh đầu tiên

Nếu sponsor chưa có child, account mới vào branch 1.

Nhánh thứ hai

Nếu sponsor có 1 child và đã có ít nhất 2 F1 đủ điều kiện, account mới có thể mở branch 2.

Hàng đợi slot

Mỗi node mới được đưa vào slot queue của tối đa 15 ancestor.

Ngân sách tìm kiếm

Mỗi placement scan tối đa 50 entry trong queue.

Overflow branch

Nếu không tìm thấy slot, account được đặt trực tiếp dưới sponsor ở branch tiếp theo.

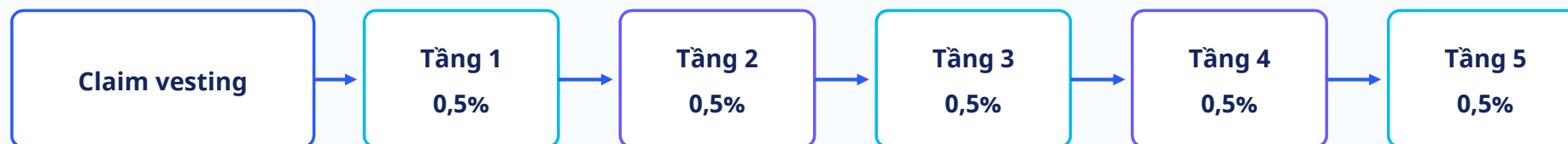
Tỷ lệ reward không đổi

Việc mở branch mới chỉ thay topology và cơ hội spillover, không đổi Matrix Rate.



Matrix Rewards

Khi DCT vesting được claim, Core tính phần thưởng cho tối đa 10 upline theo matrix placement.



... tiếp tục tới tối đa 10 tầng

Mức sơ cấp tối đa

10 tầng $\times$ 0,5% = 5% lượng DCT vesting được claim.

Điều kiện Matrix

Người nhận cần active và có tổng qualifying participation $\geq$ 50 USDT hoặc có Custom Cap đang hiệu lực.

Không đủ điều kiện

Reward không được chuyển sang người khác; phần token tương ứng không được mint.



Matching Rewards

Matching phát sinh khi community commission được claim và được phân phối theo sponsor relationship.

Tổng tham gia	Tier	Matching tiêu chuẩn
< 100 USDT	BASIC	Không có
100–499,99 USDT	BUILDER	20% F1
500–999,99 USDT	LEADER	20% F1 + 20% F2
≥ 1.000 USDT	PARTNER	30% F1 + 20% F2

Matching tier được xác định theo totalRealInvestment. Partner Access có thể tạm thời nâng tier lên mức được cấp nếu mức đó cao hơn tier thực tế.



Reward Cap

Mỗi account có giới hạn community reward tính theo USD-equivalent tại giá được Core sử dụng khi credit commission.

Default Cap

Khi không có Custom Cap hiệu lực, $\text{effective cap} = \text{totalRealInvestment}$. Mỗi package mới làm tăng $\text{totalRealInvestment}$ và do đó tăng Default Cap.

Custom Cap

Owner có thể cấp một Custom Cap có startTime và expiryTime . Trong thời gian hiệu lực, contract sử dụng trực tiếp Custom Cap làm effective cap .

Khi cap đầy

Commission vượt phần cap còn lại được ghi vào $\text{missedCommissionToken}$ và không được credit vào commissionBalance .

Khi Custom Cap hết hạn hoặc bị revoke, effective cap trở lại $\text{totalRealInvestment}$ của account.



Partner Access

Owner có thể cấp quyền Partner có thời hạn cho account chiến lược theo logic Core.

Active status

Một account được xem là active nếu package còn active hoặc đang nằm trong thời gian Partner Access.

Matching tier

Partner Access có thể gán BASIC, BUILDER, LEADER hoặc PARTNER. Contract chỉ dùng tier được cấp nếu cao hơn tier dựa trên đầu tư thực tế.

Tạo account khi cần

Nếu wallet chưa có account, grantPartnerAccess có thể tạo account và đặt sponsor theo sponsorKey hợp lệ hoặc ownerAccountKey.

Partner Access và Custom Cap là các quyền có thời hạn, có thể được owner revoke. Chúng không trao quyền sở hữu Community Funds.



VÍ DỤ

Gói 100 USDT tại giá 0,0001 USDT/DCT

Ví dụ minh họa công thức, không phải cam kết giá hoặc mức chi trả thực tế.

Vesting reference	105 USDT
Vesting DCT	1.050.000 DCT
Matrix sơ cấp tối đa	52.500 DCT
Community incentive tối đa lý thuyết	≈ 105.000 DCT
Tổng allocation tối đa lý thuyết	≈ 1.155.000 DCT

Nếu gói bằng USDT

Treasury đồng thời ghi nhận 50 USDT
Liquidity Fund + 50 USDT Buyback Fund.

Nếu gói bằng DCT

DCT trị giá 100 USDT bị burn; không có
USDT nào vào Treasury.

≈ 10% community incentive là trần toán học khi xét chuỗi Matrix + Matching trong điều kiện tối đa; issuance thực tế có thể thấp hơn vì eligibility và cap.



Missed Rewards và kỷ luật nguồn cung

Core không chuyển reward bị bỏ lỡ cho owner hoặc một account thay thế.

Inactive

Người nhận không active

Below matrix minimum

Matrix recipient không đủ điều kiện ≥ 50 USDT và không có Custom Cap hiệu lực

Cap exceeded

Reward vượt effective cap còn lại

Khi một khoản không thể được credit, Core cộng số DCT tương ứng vào missedCommissionToken để theo dõi và phát sự kiện CommissionMissed. Phần token này không được mint vào commissionBalance.

Điều này làm cho “tổng thưởng tối đa lý thuyết” khác với lượng DCT thực tế được phát hành trong mạng lưới.



04

NỀN KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Sản phẩm, developer và đối tác

Core Protocol tạo hạ tầng tài sản và cộng đồng. Development Economy tập trung vào sản phẩm thực tế, doanh thu thương mại và mạng lưới kỹ sư.

SÁCH TRẮNG • 2026





Community Funds khác với doanh thu thương mại

Hai nguồn tài sản có nguồn gốc, quyền sử dụng và nghĩa vụ khác nhau.

Community Funds trong Core

USDT người dùng tạo package được Treasury ghi nhận thành Liquidity Fund và Buyback Fund. Việc sử dụng hai quỹ bị giới hạn bởi các hàm Core/Treasury đã triển khai. Chúng không tự động trở thành doanh thu của Development Team.

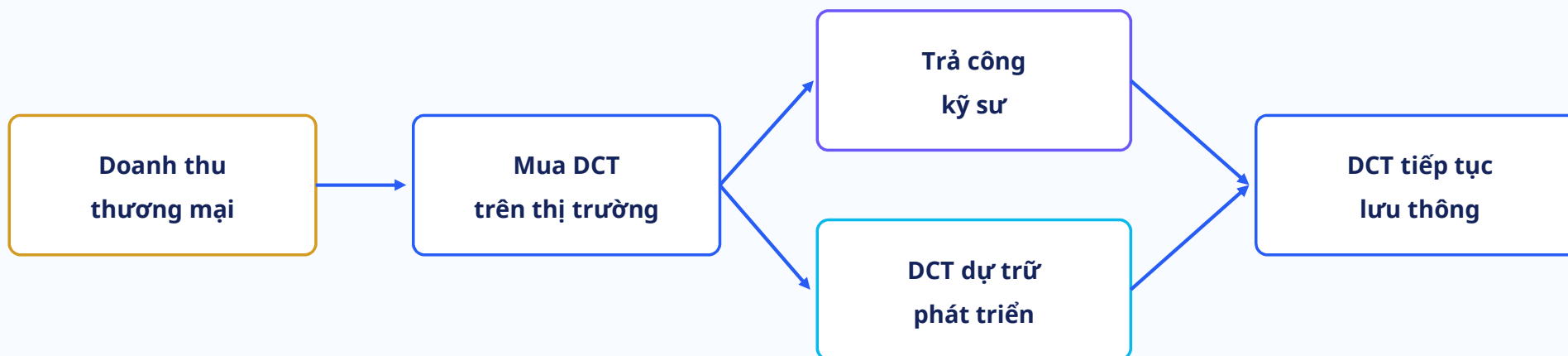
Doanh thu của Development Team

Doanh thu từ phát triển sản phẩm, dịch vụ, partner commission, licensing, revenue sharing hoặc hoạt động thương mại khác thuộc quyền quản lý của Development Team. Không có tỷ lệ bắt buộc phải phân phối lại cho người tham gia Core hoặc DCT holder.



DCT là phương tiện thanh toán chính cho mạng lưới kỹ sư

Development Team có thể mua DCT trên thị trường và sử dụng DCT đó để trả công hoặc dự trữ cho hoạt động phát triển.



Hoạt động này tái sử dụng DCT đang lưu thông thay vì yêu cầu mint DCT mới cho payroll. Việc mua DCT bằng doanh thu thương mại là quyền của Development Team, không phải nghĩa vụ định kỳ hoặc cam kết hỗ trợ giá.



Từ ý tưởng đến sản phẩm vận hành

Dev Community có thể xây sản phẩm theo ý tưởng nội bộ hoặc hợp tác với khách hàng theo nhiều cấu trúc thương mại.

Phát triển truyền thống

Khách hàng trả phí theo phạm vi công việc đã thỏa thuận.

Tích hợp DCT

Khách hàng tự nguyện dùng DCT trong sản phẩm để đổi lấy lợi ích thương mại phù hợp.

Chia sẻ doanh thu

Dev Community có thể giảm chi phí ban đầu để đổi lấy một tỷ lệ doanh thu theo thỏa thuận riêng.

Mô hình kết hợp

Phí phát triển + tích hợp DCT + commission + revenue sharing hoặc điều khoản khác.

DCT không phải điều kiện bắt buộc để trở thành khách hàng. Việc tích hợp DCT là một lựa chọn kinh tế có thể được sử dụng để trao đổi lợi ích giữa hai bên.



Pseudonymous by design

Dev Community không yêu cầu Development Team hoặc khách hàng phải công khai danh tính để hợp tác về công nghệ.

Development Team

Đội ngũ có thể hoạt động dưới danh tính pseudonymous và được đánh giá qua sản phẩm, mã nguồn, hoạt động on-chain và khả năng thực thi.

Khách hàng

Khách hàng có thể làm việc bằng địa chỉ ví hoặc tài khoản mạng xã hội ẩn danh nếu mô hình dự án không yêu cầu thông tin nhận dạng.

Mailbox mã hóa

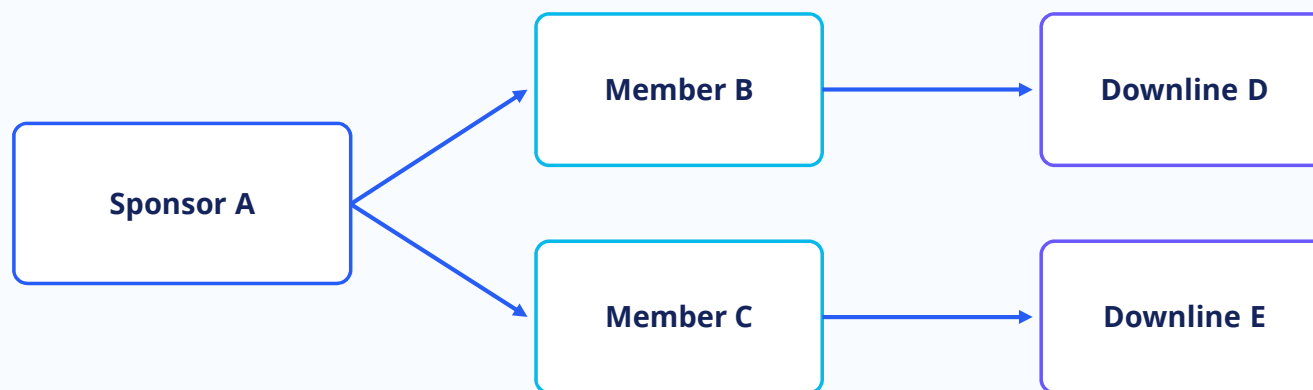
Core cho phép wallet có tổng real investment ≥ 100 USDT sử dụng Mailbox. Nội dung ciphertext được ghi qua sự kiện; admin public key có thể được cập nhật.

Dev Community hiện không công bố một pháp nhân đại diện cho hệ sinh thái. Các quan hệ thương mại cụ thể được thiết lập theo thỏa thuận của các bên tham gia.



Portable Community Graph

Hệ sinh thái có thể tái sử dụng cấu trúc sponsor-downline giữa các dự án mà không chuyển thêm dữ liệu cá nhân.



Dữ liệu chuyển

Chủ yếu là địa chỉ ví đã đăng ký và quan hệ sponsor/downline. Không chuyển thông tin cá nhân khác chỉ vì thực hiện Community Graph.

Mục tiêu là bảo toàn cấu trúc cộng đồng khi chuyển sang sản phẩm hoặc dự án tương thích do Dev Community hợp tác phát triển.



Danh sách dự án có cấu trúc và mức độ xác minh

Project Lister được định hướng vượt ra ngoài quảng cáo đơn thuần bằng cách công khai thông tin kỹ thuật và mức độ hỗ trợ của từng dự án.

Hợp đồng	Đã verify / chưa verify
Audit	Đã audit / chưa audit / không rõ
Thanh khoản	Pool, cơ chế LP, reserve và dữ liệu có thể kiểm tra
Rủi ro	Phân loại dựa trên thông tin quan sát được
DCT Integration	Có / Không
Recovery Program	Có điều kiện / Không

Việc được liệt kê hoặc được Dev Community đánh giá không có nghĩa một dự án không thể thất bại.



Community Recovery Program

Một số dự án được Dev Community xác nhận có thể được đưa vào chương trình hỗ trợ phục hồi theo điều kiện công khai trước khi tham gia.

Điều kiện kích hoạt

Dự án thuộc danh sách đủ điều kiện và sau đó đóng cửa hoặc ngừng hoạt động theo tiêu chí của chương trình.

Giá trị tổn thất đủ điều kiện

Có thể tính dựa trên vốn đã tham gia trừ các khoản đã rút thành công, theo chính sách được công bố cho từng chương trình.

Hình thức hỗ trợ

Dev Community có thể cấp Reward/Income Cap tối đa bằng 100% khoản tổn thất đủ điều kiện. Đây không phải hoàn trả USDT và không bảo đảm người nhận sẽ kiếm lại đủ giá trị đó.

Chương trình hỗ trợ phục hồi không được mô tả như bảo hiểm tài chính truyền thống trừ khi một cơ chế khác thực sự đáp ứng các điều kiện pháp lý và kinh tế của bảo hiểm.



05

QUẢN TRỊ & MINH BẠCH

Quyền hạn được công khai, không biến ý định thành lời hứa

Core hiện vẫn có owner và một số quyền quản trị có giới hạn. Whitepaper mô tả quyền thực tế theo mã nguồn thay vì hứa trước thời điểm renounce ownership.





Bề mặt quyền hạn hiện tại

Các contract không cùng có một mô hình owner giống nhau; quyền quan trọng tập trung chủ yếu ở Core và Mailbox.

Token

Owner chỉ có setMinter một lần; sau khi minter đã được gán, hàm không thể gán lại. Core/minter là nơi mint DCT.

DEX

Không có owner. Swap, sync, updateOracle, add/remove liquidity và skim theo logic contract.

Router

Không có owner; chỉ là lớp chuyển tài sản và gọi DEX.

Treasury

Owner chỉ có setCore một lần; sau khi core được gán, execute funds chỉ chấp nhận caller là Core.

Core

Owner có quyền execute liquidity/buyback, grant/revoke Partner Access, set/revoke Custom Cap và các quyền Ownable tiêu chuẩn.

Mailbox

Owner có thể đổi admin encryption public key và phát reply encrypted.

Dev Community không công bố mốc hoặc thời điểm cam kết từ bỏ ownership trong tài liệu này. Bất kỳ thay đổi ownership nào trong tương lai sẽ được thể hiện trực tiếp trên blockchain.



Mã nguồn đã xác minh, chưa có audit bên thứ ba

Người dùng có thể tự kiểm tra contract và giao dịch, nhưng việc verify source code không đồng nghĩa với kiểm toán bảo mật độc lập.

Có thể kiểm tra

Địa chỉ contract, source code đã verify, reserve DEX, fund accounting, vesting, commission, events, token supply và burn đều có thể được kiểm tra qua blockchain.

Chưa được audit độc lập

Các contract hiện chưa được bên thứ ba thực hiện smart-contract audit. Whitepaper không mô tả chúng là “audited”.

Rủi ro kỹ thuật còn tồn tại

Source verification làm tăng khả năng kiểm tra nhưng không loại trừ bug, lỗi logic, rủi ro blockchain hoặc rủi ro kinh tế.

Nguyên tắc của Dev Community: những gì có thể chứng minh on-chain sẽ được ưu tiên chứng minh bằng dữ liệu thay vì yêu cầu người dùng chỉ dựa vào tuyên bố của đội ngũ.



Các giai đoạn phát triển không gán mốc thời gian cam kết

Dev Community triển khai theo mức độ sẵn sàng của công nghệ, sản phẩm và cộng đồng thay vì hứa deadline cố định.

I	Core Protocol	DCT • DEX • Treasury • Vesting • Matrix • Matching
II	Minh bạch dữ liệu	Dashboard • token flow • fund flow • analytics
III	Product Economy	Web3 services • reusable modules • Developer Network
IV	Partner Economy	DCT integrations • Project Network • Community Graph
V	Network Economy	Nhiều sản phẩm độc lập • nhiều đối tác • utility rộng hơn



Công bố rủi ro

Việc tương tác với DCT, smart contract và các dự án Web3 luôn bao gồm rủi ro kỹ thuật và kinh tế.

Rủi ro thị trường

Giá DCT có thể tăng hoặc giảm mạnh; thanh khoản có thể thay đổi và swap có thể chịu trượt giá.

Rủi ro smart contract

Mã nguồn có thể tồn tại lỗi chưa được phát hiện; contract hiện chưa được audit độc lập.

Rủi ro thanh khoản

Buyback Fund và Liquidity Fund không phải cam kết thanh khoản tối thiểu hoặc bảo đảm đổi DCT sang USDT.

Rủi ro đối tác

Dự án được liệt kê hoặc hỗ trợ phục hồi vẫn có thể thất bại.

Rủi ro kinh doanh

Sản phẩm có thể không tạo ra doanh thu; chiến lược Development Team có thể thay đổi.

Rủi ro pháp lý

Quy định liên quan token, Web3, dữ liệu và mô hình cộng đồng có thể thay đổi theo từng khu vực.

Vesting allocation 105%, buyback, burn, matrix placement hoặc lịch sử vận hành không phải bằng chứng bảo đảm một kết quả tài chính trong tương lai.



Các hợp đồng đã triển khai trên BNB Smart Chain

Địa chỉ dưới đây là thành phần Core được sử dụng bởi Dev Community.

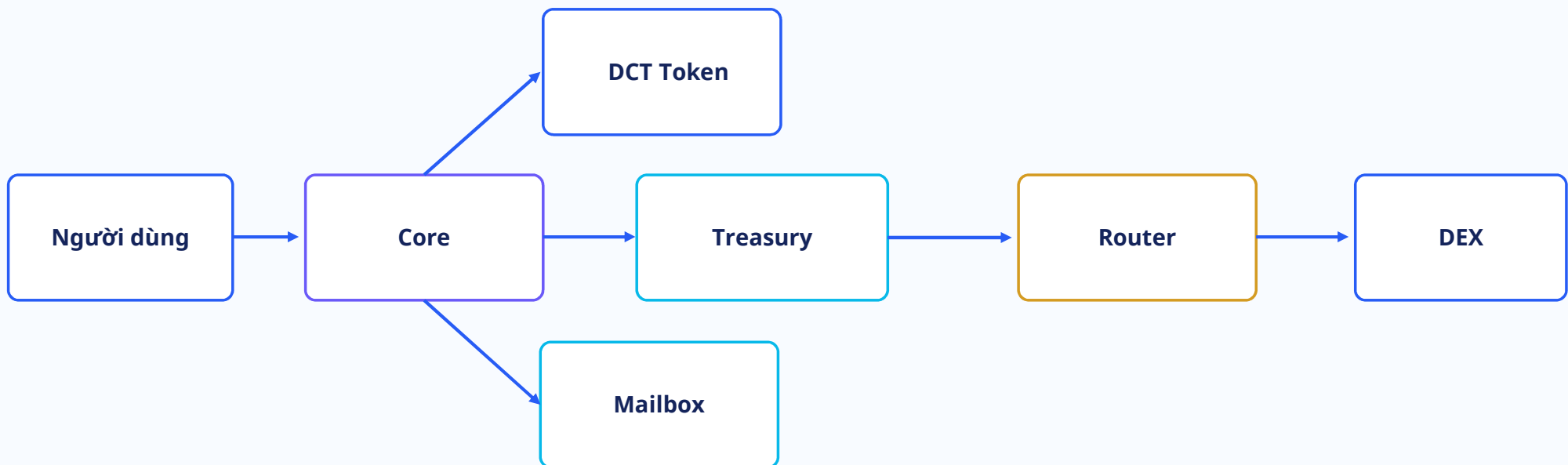
USDT	0x55d398326f99059ff775485246999027b3197955
DCT Token	0x5c251CF8F214232ad397dab7c5Fdf2e5dCBF7829
DevCommunityDex	0x48631abdAa58423aA332ac4e287dbfD241f00b33
DevCommunityRouter	0x6e33cEBCe42c40d8d31ba09a6Fdf3Dd1264B447A
DevCommunityTreasury	0xE8d5842F774d23C458a5766578bD8A72637F980F
DevCommunityCore	0xF4822554F502bd453dEd34052002735548a81837
DevCommunityMailbox	0xF09CDd33f92D84192e9aa799A478c62D1F31e1e4

Website chính thức: <https://devcommunity.eth.limo/>



Cách các hợp đồng tương tác

Core là lớp điều phối chính giữa người dùng, Token, Treasury và DEX.



Token: mint/burn • Treasury: fund accounting • Router: swap/add liquidity • DEX: reserve, AMM và oracle • Mailbox: encrypted message events và reply của admin.



Thông số Core Protocol cố định

Các giá trị dưới đây được khai báo constant hoặc immutable trong mã nguồn Core/DEX đã triển khai.

Gói tối thiểu

10 USDT-equivalent

Matrix eligibility

≥ 50 USDT cumulative hoặc Custom Cap hiệu lực

Mailbox

≥ 100 USDT cumulative

Operator package

≥ 50.000 USDT-equivalent / 1 package

Active period

25 ngày

Vesting

105% • 20 tranche • cliff 1 ngày

Matrix

0,5% × tối đa 10 tầng

Spillover queue

Depth 15 • MAX_POPS 50

Buyback

10-100 USDT/lần • cooldown 10 phút

Slippage nội bộ

5%

TWAP

1 giờ và 24 giờ

DEX sell fee

3% khi DCT → USDT



DEV COMMUNITY

Một hệ sinh thái. Nhiều sản phẩm. Hạ tầng dùng chung.

Dev Community không xây dựng bản sắc dự án dựa trên dự báo giá DCT. Trọng tâm dài hạn là mở rộng những gì có thể được xây dựng, kết nối và vận hành thông qua một mạng lưới sản phẩm Web3, cộng đồng, developer và đối tác.

XÂY DỰNG • KẾT NỐI • CHIA SẺ • PHÁT TRIỂN

<https://devcommunity.eth.limo/>